TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-4-2023
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Thế Kỳ
2. Ông Nguyễn Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chính - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm Sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Nhân C, huyện Đắk R'L, tỉnh Đắk Nông - có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H1, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Nhân C, huyện Đắk R'L, tỉnh Đắk Nông - có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày*:** Bà H và ông Phạm Ngọc H1 tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến không thông cảm cho nhau. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông H1, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H1.

- Về con chung: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 có 01 con chung là

Phạm Đức T, sinh ngày 04/8/1998. Do con chung đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do con chung đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 không có nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà Dương Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Theo bị đơn ông Phạm Ngọc H1 trình bày: Ông H1 và bà Dương Thị H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến không thông cảm cho nhau. Nay bà H1 yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H1 thì ông H1 đồng ý.

- Về con chung: Ông Phạm Ngọc H1 và bà Dương Thị H có 01 con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 04/8/1998. Do con chung đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do con chung đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Ngọc H1 và bà Dương Thị H tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Ngọc H1 và bà Dương Thị H không có nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà Dương Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật thì ông H1 đồng ý.

Tại phiên toà, Toà án đã triệu tập hợp lệ bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 tham gia phiên toà nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông H1, bà H đã có lời khai đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Đắk R'Lấp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm yêu cầu giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 là vợ chồng. Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dương Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, với ông Phạm Ngọc H1. Ông H1 có nơi cư trú tại thôn 7, xã Nhân C, huyện Đắk R'L, tỉnh Đắk Nông. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị H và bị đơn ông Phạm Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 sống chung với nhau từ năm 1993 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống giữa bà H, ông H1 thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xảy ra cãi nhau, không có sự tôn trọng nhau, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà H với ông H1là vợ chồng.

Xét yêu cầu của bà H, Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù sống với nhau kể từ năm 1993 đến nay, bà H, ông H1 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại điểm b mục 3 Nghị Quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, cụ thể: "*Nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03-01-1987 đến ngày 01-01-2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003. Từ sau ngày 01-01-2003 mà họ không đi đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*".

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*".

Như vậy, yêu cầu của bà Dương Thị H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Ông H1 cũng đồng ý theo yêu cầu của bà H nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 có 01 con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 04/8/1998. Do con chung đã đủ 18 tuổi nên bà H, ông H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Bà Dương Thị H với ông Phạm Ngọc H1 không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 không nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu nên Toà án không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí: Bà Dương Thị H với ông Phạm Ngọc H1 thoả thuận, bà H nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; của của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H đối với bị đơn ông Phạm Ngọc H1.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị H với ông Phạm Ngọc H1.

2.2. Về tài sản chung: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc H1 không nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Bà Dương Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005227 ngày 17 tháng 02 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Đình Quy